

Bản án số: **44/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 21/8/2017

V/v TC Ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Lệ Thúy**

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Xương**

2. Bà **Tăng Thị Bạch Vân**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Linh Đa**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà **Đặng Xuân Mai** – Kiểm sát viên

Ngày 21/8/2017, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 206/2017/TLST-HNGĐ ngày 21/6/2017 về việc “Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/7/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thanh D**, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Hoàng Đ**, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2017, trong quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thanh D trình bày: Vào năm 1998 bà D và ông Đ chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ giấy chứng nhận kết hôn số 122, ngày 14/7/2008. Ông bà có 02 con chung là Nguyễn Bích T, sinh ngày 08/6/1999 (đã trưởng thành) và Nguyễn Minh N, sinh ngày 18/12/2003, đang sống với cha.

Do ông Đ ham mê cờ bạc gây nợ nần, bà D phải đứng ra trả nợ, ông Đ không lo làm ăn để kiếm tiền nuôi con mà còn đánh đập bà D và hăm dọa giết bà D. Ông Đ và bà D đã sống ly thân từ tháng 3/2014 cho đến nay. Nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không thể tồn tại được. Nay bà D yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà D yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Bà D yêu cầu được nuôi con chung là Nguyễn Minh N, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Riêng Nguyễn Bích T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Đ trình bày: (Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, ông Hoàng Đ không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và yêu cầu của ông Hoàng Đ).

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ly hôn và nuôi con chung với ông Hoàng Đ. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn ông Nguyễn Hoàng Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn không có yêu cầu hoãn phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hoàng Đ

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thanh D và ông Hoàng Đ chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà D nhận thấy cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc, ông bà đã ly thân từ 3/ 2014. Đối với ông Hoàng Đ, từ khi Tòa án thụ lý đến nay, ông Hoàng Đ không tham gia tố tụng nên Tòa án không thu thập được lời khai và yêu cầu của ông. Việc ông Hoàng Đ không tham gia tố tụng đã thể hiện ông không có ý chí muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà Thanh D. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, bà D và ông Đ sống ly thân hơn 03 năm nay đã thể hiện ông bà không có ý chí muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân, từ đó cho thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D.

[2.2] Về con chung: Bà D và ông Đ có 02 con chung, tên Nguyễn Bích T, sinh ngày 08/6/1999 (đã trưởng thành), tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 18/12/2003, hiện đang sống với cha. Bà D có yêu cầu được nuôi Nguyễn Minh N, qua ý kiến của Nguyễn Minh

N thì Minh N có yêu cầu và nguyện vọng được sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Còn ông Đ không tham gia tố tụng nên Tòa án không thu thập được yêu cầu về con chung. Từ đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung tên Nguyễn Minh N cho bà Huỳnh Thanh D trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Huỳnh Thanh D không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Đ cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu giải quyết, ông Đ không thể hiện yêu cầu về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đúng thành phần, các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thanh D. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 3 Điều 228; các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

TUYÊN XỬ:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thanh D, tuyên bố bà Huỳnh Thanh D và ông Nguyễn Hoàng Đ được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung của bà D và ông Đ tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 18/12/2003 cho bà Huỳnh Thanh D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi Minh N đến tuổi trưởng thành, ông Nguyễn Hoàng Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền ngăn cản. Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Đ cấp dưỡng nuôi con chung của bà Huỳnh Thanh D.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà Huỳnh Thanh D phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007505 ngày 21/6/2017 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu (bà D đã nộp án phí xong)

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKS, T.H.A cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ-huyện K-ST
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Lệ Thúy